SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

GOBI S1 P

Giày bảo h ộ thấp **có** đ ể **định hình** s

Giày th ể thao bảo h ộ GOBI Safety Jogger mang đ ế s mạnh i khả năng c ư ố ợ SR, mũi và đ ế thép, cùng đặc tính ch ố n g tĩnh điệ n . Hoàn hảo cho mọi khô ráo trong nhiều ngành công n ghiệ p khác nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn	Da l
lót bên trong i tái chế lướ	
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SRC
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng thép	0.670 kg
ẩn hiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011

CO₂ 11.18 kg



BLK



NAV

S1P
trong khô ráo, không có nguy cơ bị nước ng ấm vào, và bạn cần bảo vệ ngón chân, chống đâm thủng và thông thoá bạn cần giày bảo hộ S1P.

Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đ ỡ bảo vệ ngón chân ắn hoặc

thép
đâm thủng được làm bằng thép không rỉ và ngăn các xâm nhập từ đế ngoài.

SRC
Tuốc lơ nông trong những tình n ày quan trọng và giày bảo vệ SRC qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.

chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn chúng t ích tụ và làm bảo rằng chúng ở mức cách hiệu mang.

hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân ảm bớt lực khi bạn đi hoặc chạy lên cơ thể ng

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn g môi khô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật liệu **Da** l **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm nước ban đầu	? 0.8	11.7		ờ	mg/cm/g
	Top: hi nuệ sốn ơ	? 15	101.6			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: thấm nước ơ	? 2	67.6		ờ	mg/cm/g
	lót: hi nuệ sốn ơ	? 20	541			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**					
	Ch ố n g trượt: mài mòn ế ngoài (	? 150	127			mm
	a đế ngoài SRA: gót chân	? 0.28	0.30			ma sát
	a đế ngoài SRA: Phẳ t g	? 0.32	0.32			ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.14			ma sát
	đế ngoài SRB: phẳn g	? 0.18	0.18			ma sát
	ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	16.3			megaohm
	ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20	27			J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.0			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	17.0			mm

kích thước thép: 42

a chú ý khiếu có t thayên nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		8.91		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			11.18 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.